

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HS-ST
Ngày: 07-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thạch T, sinh năm 1965, tại Bình Dương; nơi ĐKKHKT: Ấp HL, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Khơme; con ông Thạch K, sinh năm (không rõ) (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm (không rõ) (đã chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị H, sinh năm 1967 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

2. Họ và tên: Ninh Văn B, sinh năm 1956, tại Bình Dương; nơi ĐKKHKT: và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; con ông Ninh Văn N, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Phan Thị H, sinh năm 1924 (đã chết); bị cáo có vợ tên Lê Thị Lệ Q, sinh năm 1960 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

3. Họ và tên: Trần Văn T (tên gọi khác: Tỷ), sinh năm 1984, tại Bình Dương; nơi ĐKKHKT: Ấp HC, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn L, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

4. Họ và tên: Trần Hồng D, sinh năm 1982, tại Nam Định; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; con ông Trần Hồng T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

5. Họ và tên: Nguyễn Công D (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1970, tại Bình Dương; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1937 và bà Lê Thị K, sinh năm 1940; bị cáo có vợ tên Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, tại Bình Dương; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Vinh E, sinh năm (không rõ) và bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1961; bị cáo có chồng tên Trần Văn T, sinh năm 1984 và 01 người con sinh năm 2012 (ngoài ra bị cáo có 01 người con riêng sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

7. Họ và tên: Thạch Thị H, sinh năm 1989, tại Bình Dương; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã MH, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; con ông Thạch T, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; bị cáo có chồng tên Lê Thái G, sinh năm 1975 và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 14/03/2016, Ninh Văn B, Nguyễn Công D, Trần Văn T, Trần Hồng D đến quán nước giải khát do Thạch T làm chủ ngụ ấp H, xã MH, huyện DT để uống nước. Tại đây, Nguyễn Công D rủ Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D đánh bạc dưới hình thức binh sập xám thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng), mỗi người làm cái 1 lần xoay vòng. B, D, T đồng ý và đi ra phía sau quán nước của Thạch T để đánh bạc. Thạch T cung cấp chiếu cói, tấm bạt màu đen, cái mền màu hồng dùng trải xuống đất để đánh bạc, Thạch T bán một bộ bài tây 52 lá với giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng) cho các con bạc. Trong lúc đánh bạc thì Thạch Thị H (là con ruột Thạch T) cho Nguyễn Công D mượn số tiền là: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày thì Trần Văn T đánh bạc thua hết tiền nên mượn điện thoại của Thạch Thị H điện cho vợ là Nguyễn Thị H, và nói “Đánh bạc thua hết tiền rồi, mang tiền lên trả cho người ta”. Nghe vậy, Nguyễn Thị H đến

nhà Thạch T nhìn thấy chồng là Trần Văn T đang đánh bạc và đưa số tiền: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông T tiếp tục đánh bạc.

Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Công an xã MH, huyện DT đến bắt quả tang 4 đối tượng gồm: Ninh Văn B, Nguyễn Công D, Trần Văn T, Trần Hồng D, đang đánh bạc, thu giữ:

- 02 bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng;
- 04 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng;
- 02 chiếu cói cũ, kích thước mỗi chiếu cói là 1,8m x1,2m;
- 01 tấm bạt màu đen kích thước 3,7m x1,9m;
- 01 cái mền màu hồng có in hoa văn kích thước 1,6m x 1,5m;
- 01 điện thoại di động hiệu Viettel, màu đen của Thạch Thị H;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của Ninh Văn B;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (cảm ứng), màu trắng của Trần Hồng D;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu trắng của Nguyễn Công D;

- Thu giữ tiền Việt Nam trên người các đối tượng dùng để đánh bạc là: 5.467.000 đồng (năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), trong đó, thu giữ của Nguyễn Công D là 3.770.000 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng), thu giữ của Ninh Văn B là 1.697.000 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT xác định hành vi đánh bạc của các đối tượng cụ thể như sau:

1. Thạch Tuyết, chủ nhà cung cấp địa điểm đánh bạc; cung cấp: 01 (một) cái mền màu hồng có in hoa văn; 02 (hai) chiếu cói; 01 (một) tấm bạt màu đen trải xuống đất để các con bạc chơi. Thạch Tuyết mua 01 bộ bài tây giá: 6.000 đồng (sáu ngàn đồng) về bán lại cho các con bạc giá: 10.000 đồng (mười ngàn đồng), Thạch Tuyết lời được số tiền: 4.000 đồng (bốn ngàn đồng). Tuyết bán tổng cộng 6 bộ bài tây và lời 24.000 đồng (hai mươi bốn ngàn đồng).

2. Ninh Văn B mang theo số tiền: 1.897.000 đồng (một triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng) để đánh bạc, đánh được khoảng 30 ván thua hết số tiền: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), còn lại số tiền: 1.697.000 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng), số tiền này đã bị tạm giữ.

3. Trần Văn T, mang theo số tiền: 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng), T mua 01 (một) bộ bài tây và mua nước uống hết số tiền: 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng), còn lại số tiền: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) để tham gia đánh bạc, đánh được khoảng 30 ván thua hết số tiền: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng), T điện thoại cho vợ tên Nguyễn Thị H đem đến số tiền: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) để đánh bạc, tổng số tiền T sử dụng đánh bạc là: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) và thua hết tiền.

4. Trần Hồng D, mang theo số tiền: 1.950.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) để tham gia đánh bạc, đánh được khoảng 30 ván thì thua hết

số tiền: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), còn lại số tiền: 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) D làm rơi tại chiếu bạc, đã bị tạm giữ.

5. Nguyễn Công D mang theo số tiền: 740.000 đồng (bảy trăm bốn mươi ngàn đồng), D mua 02 (hai) bộ bài tây của Thạch T hết số tiền: 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng), còn lại số tiền: 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi ngàn đồng) để tham gia đánh bạc, sau đó Nguyễn Công D mượn của Thạch Thị H số tiền: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền Nguyễn Công D sử dụng để tham gia đánh bạc là: 920.000 đồng (chín trăm hai mươi ngàn đồng), đánh khoảng 30 ván thì thắng thêm được số tiền: 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), Nguyễn Công D lượm số tiền: 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) của Trần Hồng D đánh rơi tại chiếu bạc. Tổng số tiền là 3.770.000 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) đã bị tạm giữ.

6. Nguyễn Thị H biết chồng là Trần Văn T đang tham gia đánh bạc dưới hình thức binh sập xám thắng thua bằng tiền nhưng Nguyễn Thị H vẫn mang số tiền: 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) từ nhà đến nơi Trần Văn T đang tham gia đánh bạc và đưa cho T đánh bạc.

7. Thạch Thị H biết Nguyễn Công D đang chơi đánh bạc dưới hình thức binh sập xám thắng thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý cho Nguyễn Công D mượn số tiền là: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) để tham gia đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT ngày 20 tháng 6 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố các bị cáo Thạch T, Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị H và Thạch Thị H cùng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1, Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 248; Điểm h, p, Khoản 1, Khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Thạch T số tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng
2. Ninh Văn B từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.
3. Trần Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.
4. Trần Hồng D từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.
5. Nguyễn Công D từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.
6. Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 08 tháng tù cải tạo không giam giữ.
7. Thạch Thị H từ 06 tháng đến 08 tháng tù cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41, 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 5.467.000 đồng thu trên chiếu bạc.

+ Số tiền 24.000 đồng tiền thu lợi bất chính của Thạch T.

- Tuyên trả: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen cho Ninh Văn B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia (cảm ứng), màu trắng cho Trần Hồng D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu trắng của Nguyễn Công D.

- Tiêu hủy: 02 bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 04 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 02 chiếc cối cũ, kích thước mỗi chiếc cối là 1,8x1,2mét; 01 tấm bạt màu đen kích thước 3,7x1,9mét; 01 cái mền màu hồng có in hoa văn kích thước 1,6x1,5mét; 01 điện thoại di động hiệu Viettel, màu đen của Thạch Thị Hoa.

Phản tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì về tội danh và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 12 giờ ngày 14/03/2016 tại quán cà phê do Thạch T làm chủ các bị cáo Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài binh sập xám loại 52 lá, chia làm 04 tụ, mỗi tụ 13 lá được xếp thành 3 chi, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, thắng thua với người làm cái, làm cái xoay vòng từ phải sang trái. Chơi được khoảng hơn 02 tiếng thì bị công an bắt giữ. Bị cáo Thạch T cho các đối tượng trên mượn địa điểm là quán cà phê tại nhà của mình để các đối tượng trên đánh bạc. Thạch Thị H cho Nguyễn Công D mượn số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Thị H đem số tiền 350.000 đồng đến đưa cho chồng là Trần Văn T để đánh bạc.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền các bị cáo B, T, Trần Hồng D và Nguyễn Công D dùng để đánh bạc thu giữ được tại chiếu bạc và trên người các bị cáo với tổng số tiền là 5.467.000 đồng (năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Bị cáo Thạch T biết các đối tượng trên đánh bạc ăn thua bằng tiền nhưng vẫn cho

các đối tượng trên mượn địa điểm là quán cà phê tại nhà để các đối tượng đánh bạc. Hành vi của bị cáo Thạch T tuy chưa đủ yếu tố về tội “Gá bạc” nhưng đã đồng phạm về tội của các bị cáo B, T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D. Bị cáo Nguyễn Thị H biết chồng là Trần Văn T đang đánh bạc thắng thua bằng tiền nhưng H vẫn mang số tiền 350.000 đồng đưa cho T tiếp tục tham gia đánh bạc. Thạch Thị H biết Nguyễn Công D đang đánh bạc thắng thua bằng tiền nhưng đồng ý cho D mượn số tiền 200.000 đồng để D tiếp tục đánh bạc. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Cáo trạng số 38/QĐ/KSĐT ngày 20/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo đều ý thức được rằng đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác và pháp luật sẽ xử lý nghiêm khắc loại tội phạm này nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong vụ án này các bị cáo B, T, Trần Hồng D và Nguyễn Công D cùng nhau đánh bạc, cùng làm cái, như vậy tính chất mức độ phạm tội các bị cáo là tương đồng nhau. Bị cáo Thạch T, H, H đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Bị cáo T, Nguyễn Công D đánh bạc với số tiền ít hơn so với bị cáo B, Trần Hồng D nên hành vi của bị cáo B, D phải bị xử phạt cao hơn so với bị cáo T và Nguyễn Công D. Do đó mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo T, D là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo T, D mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị; Riêng mức hình phạt tiền đối với bị cáo Thạch T là chưa phù hợp so với hành vi phạm tội của bị cáo Thạch T nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nghiêm khắc hơn.

[6] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại các Điểm h, p, Khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác như: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có trình độ học vấn thấp; các bị cáo Trần Hồng D, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị H, Thạch Thị H hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo Thạch T, Thạch Thị H là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Qua đó, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có nơi ở ổn định, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội

mà cho các bị cáo Thạch T, B, T, Trần Hồng D và Nguyễn Công D được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự; cho các bị cáo Nguyễn Thị H và Thạch Thị H cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 02 bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 04 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 02 chiếc cối cũ, kích thước mỗi chiếc cối là 1,8x1,2mét; 01 tấm bạt màu đen kích thước 3,7x1,9mét; 01 cái mền màu hồng có in hoa văn kích thước 1,6x1,5mét; 01 điện thoại di động hiệu Viettel, màu đen của Thạch Thị H là công cụ phương tiện phạm tội nên Tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền là 5.467.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ.

- Đối với số tiền 24.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Thạch T nên buộc Thạch T phải nộp lại để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen đã thu giữ của Ninh Văn B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia (cảm ứng), màu trắng đã thu giữ của Trần Hồng D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu trắng đã thu giữ của Nguyễn Công D. Xét thấy đây là tư vật của các bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với chiếc điện thoại hiệu Nokia, màu xanh đen mà Nguyễn Thị H dùng để liên lạc và mang tiền đến cho chồng là Trần Văn T đánh bạc, chiếc điện thoại này đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, Nguyễn Thị H đã vứt bỏ chiếc điện thoại này vào thùng rác, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Thạch T, Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị H và Thạch Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng Khoản 1, Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Thạch T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Trần Hồng D 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Ninh Văn B 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

1.2. Áp dụng Khoản 1, Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Thạch Thị H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo các bị cáo: Thạch T, Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị H và Thạch Thị H cho Ủy ban nhân dân xã MH, huyện DT, tỉnh BD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự và Điểm a, b, c, đ Khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 5.467.000 đồng thu trên chiếu bạc.

+ Số tiền 24.000 đồng tiền thu lợi bất chính của Thạch T.

- Trả lại cho Ninh Văn B: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen;

- Trả lại cho Trần Hồng D 01 điện thoại di động hiệu Nokia (cảm ứng), màu trắng;

- Trả lại cho Nguyễn Công D 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 04 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 02 chiếu cói cũ, kích thước mỗi chiếu cói là 1,8x1,2mét; 01 tấm bạt màu đen kích thước 3,7x1,9mét; 01 cái mền màu hồng có in hoa văn kích thước 1,6x1,5mét; 01 điện thoại di động hiệu Viettel, màu đen của Thạch Thị H.

(Tài sản và vật chứng trên thể hiện tại biên lai thu tiền số AA/2013/02262 ngày 07/6/2017 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Thạch T, Ninh Văn B, Trần Văn T, Trần Hồng D, Nguyễn Công D, Nguyễn Thị H và Thạch Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Ngọc Hiếu

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Thị Thu Thu

Trần Quang Tuấn